

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 56/2019/DS-PT

Ngày: 29/10/2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn

Bà Hoàng Lan Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án HNGĐ phúc thẩm thụ lý số 45/2019/TLPT ngày 30 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Do bản án số 82/2019/HNGĐ-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện BT bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐ-PT ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Tr; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn CP, xã VN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn M, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn Kháng, xã VN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hà Thị Tr trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Tr và anh M tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 2009, đến ngày 11/9/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã VN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn gay gắt là năm 2017. Nguyên nhân do anh M chơi bời, không chịu lao động và hay uống rượu, không có trách nhiệm với vợ con. Khoảng tháng 6 âm lịch năm 2017 do anh M uống rượu say về chửi bới và đốt quần áo, đồ đạc của chị Tr nên chị Tr bỏ về ngoại sống. Anh chị ly thân từ đó đến nay. Sau khi ly thân chị thấy không thể tha thứ cho anh M và không còn tình cảm nên xin ly hôn.

- Về con chung: Chị Tr và anh M có 02 con chung: Cháu Hà Thảo M sinh ngày 14/9/2010 và cháu Hà Phương V sinh ngày 13/8/2012. Khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, để anh M nuôi dưỡng cháu My.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hà Văn M trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Tr. Khi chị Tr bỏ về nhà ngoại, anh M và gia đình đã lên xin chị Tr về nhưng chị Tr không đồng ý. Tuy muốn đoàn tụ nhưng nay chị Tr làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con cái: Chị Tr và anh M có 02 con chung cháu Hà Thảo M sinh ngày 14/9/2010 và cháu Hà Phương V sinh ngày 13/8/2012. Khi ly hôn anh M đồng ý để mỗi người có trách nhiệm nuôi một con. Anh M mong muốn được trực tiếp chăm sóc cả hai con và chị Tr phải có trách nhiệm gửi tiền nuôi con cho anh.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh M yêu cầu chị Tr hoàn trả khoảng 20.000.000đ tiền ba lần anh M đi viếng ba đám ma nhà chị Tr (bà ngoại, bố và anh trai chị Tr). Anh M không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho giá trị hiện vật, gia đình chị Tr không có yêu cầu gì về việc phúng viếng và cũng không có thỏa thuận gì về việc phải trả lại. Tại phiên tòa anh M đòi 20.000.000đ

Tự khai của cháu Hà Thảo M: Cháu có nguyện vọng ở với bố là anh Hà Văn M.

Bản án số 82/2019/HNGĐ-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện BT quyết định:

Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Tr và anh Hà Văn M.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận việc nuôi con chung giữa chị Hà Thị Tr và anh Hà Văn M. Khi ly hôn chị Tr trực tiếp nuôi cháu Hà Phương V sinh ngày 13/8/2012 anh M nuôi cháu Hà Thảo M sinh ngày 14/9/2010 cho đến khi các cháu thành

niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị Hà Thị Tr và anh Hà Văn M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Không chấp nhận đề nghị của anh M về việc để anh trực tiếp quản lý cháu Hà Phương V sinh ngày 13/8/2012 và chị Tr gửi tiền nuôi cháu Vy cho anh M.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/7/2019, Anh Hà Văn M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi cả hai con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:**

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật TTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS, khoản 1 Điều 29 NQ 326/QH. Không chấp nhận kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh M phải chịu án phí phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Hà Văn M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi cả hai con. Kháng cáo của anh M làm trong thời hạn và nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét nội dung kháng cáo:* Anh M và chị Tr có 2 con chung, cháu My và cháu Vy đều chưa thành niên. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận anh M chăm sóc, nuôi dưỡng cháu My sinh ngày 14/9/2010; chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vy sinh ngày 13/8/2012, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nay anh M kháng cáo yêu cầu được nuôi cả 2 cháu, vì cho rằng chị Tr đi làm xa không có điều kiện gần gũi, chăm sóc con, nhưng xét tuy chị Tr đi làm ở địa phương khác nhưng thu nhập

từ 7 - 8 triệu, chị vẫn thường về thăm con, quan tâm và đảm bảo tốt điều kiện nuôi dưỡng, sinh hoạt, học tập cho cháu Vy. Anh M làm nghề cắt tóc, công việc và thu nhập không ổn định, bình quân mỗi tháng 3 triệu đồng thì không đủ điều kiện của anh để nuôi cả 2 con. Do đó, kháng cáo của anh M đề nghị được nuôi cả cháu Vy là không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005119 ngày 13/8/2019 của Chi cục THADS huyện BT.

[4] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; Điều 309; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Văn M. Giữ nguyên bản án số 82/2019/HNGĐ-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện BT.

2. Án phí: Anh M phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005119 ngày 13/8/2019 của Chi cục THADS huyện BT (anh M đã nộp đủ tiền án phí).

3. Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án HNGĐ phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND huyện BT
- TAND huyện BT
- Chi cục THA huyện BT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Dung

